

Phụ lục 1:

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
ĐẠI HỌC KHÓA 11 (2015 - 2019) ĐỢT 1 THÁNG 6 NĂM 2019 - ĐÀO TẠO TẠI HÀ NỘI
Ngành: Bảo hiểm**

(Kèm theo Quyết định số: 1469 /QĐ - ĐHLĐXH, ngày...20...tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1111030001	Bùi Thúy An	Nữ	D11BH1	05/06/1997	Thanh Hóa	2.67	Khá	
2	1111030010	Đặng Ngọc Đức	Nam	D11BH1	08/01/1997	Thanh Hóa	2.73	Khá	
3	1111030018	Trần Trung Hiếu	Nam	D11BH1	21/09/1996	Nam Định	2.43	Trung bình	
4	1111030073	Lý Thị Hòa	Nữ	D11BH1	24/04/1995	Bắc Kạn	2.58	Khá	
5	1111030020	Trần Thị Hoài	Nữ	D11BH1	30/10/1997	Nam Định	3.04	Khá	
6	1111030027	Phạm Thị Thanh Huyền	Nữ	D11BH1	19/04/1997	Hà Giang	3.12	Khá	
7	1111030023	Nguyễn Thị Hương	Nữ	D11BH1	14/09/1997	Hà Nội	2.84	Khá	
8	1111030024	Nguyễn Thị Minh Hương	Nữ	D11BH1	07/12/1997	Hải Phòng	2.76	Khá	
9	1111030029	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	D11BH1	13/07/1996	Hà Nội	2.72	Khá	
10	1111030033	Nguyễn Thị Hải Linh	Nữ	D11BH1	08/12/1997	Hưng Yên	2.35	Trung bình	
11	1111030042	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ	D11BH1	18/09/1997	Hà Nội	3.24	Giỏi	
12	1111030074	Nông Thị Nguyệt	Nữ	D11BH1	12/09/1996	Lạng Sơn	2.78	Khá	
13	1111030054	Nguyễn Hương Thảo	Nữ	D11BH1	03/07/1996	Yên Bái	2.73	Khá	
14	1111030059	Nguyễn Duy Tiến	Nam	D11BH1	16/10/1996	Yên Bái	2.59	Khá	
15	1111030063	Lê Thị Thu Trang	Nữ	D11BH1	15/11/1997	Hà Nội	2.45	Trung bình	
16	1111030065	Trần Minh Tuấn	Nam	D11BH1	03/11/1997	Hải Dương	2.59	Khá	
17	1111030067	Lê Thị Xuyên	Nữ	D11BH1	23/08/1996	Thanh Hóa	2.68	Khá	
18	1111030068	Đặng Phương Yên	Nữ	D11BH1	13/02/1997	Hà Nội	2.6	Khá	
19	1111030082	Phạm Quỳnh Anh	Nữ	D11BH2	13/05/1997	Hà Nội	2.67	Khá	
20	1111030091	Hoàng Thị Hương Giang	Nữ	D11BH2	19/03/1997	Hải Dương	3.41	Giỏi	
21	1111030096	Đinh Thị Hạnh	Nữ	D11BH2	28/10/1997	Điện Biên	3.41	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
22	1111030099	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	D11BH2	19/03/1997	Hà Nội	3.15	Khá	
23	1111030115	Nguyễn Thị Thanh Mai	Nữ	D11BH2	03/12/1997	Thái Bình	3.38	Giỏi	
24	1111030119	Phạm Thị Nga	Nữ	D11BH2	05/01/1997	Bắc Ninh	3.09	Khá	
25	1111030121	Lê Thị Nhân	Nữ	D11BH2	15/05/1997	Hà Nội	2.55	Khá	
26	1111030137	Nguyễn Thuỳ Trang	Nữ	D11BH2	05/07/1997	Phú Thọ	3.14	Khá	
27	1111030149	Nguyễn Thị Anh	Nữ	D11BH3	16/11/1996	Hà Nội	3.27	Giỏi	
28	1111030191	Phan Công Sơn	Nam	D11BH3	30/04/1997	Hà Nội	2.9	Khá	
29	1111030195	Lê Thị Thanh Thúy	Nữ	D11BH3	19/11/1997	Hà Nội	2.87	Khá	
30	1111030203	Lê Thị Tú	Nữ	D11BH3	04/03/1997	Hà Nội	3.02	Khá	
31	1111030206	Phạm Văn Tùng	Nam	D11BH3	01/05/1997	Hà Giang	2.32	Trung bình	
32	1111030215	Bùi Dương Tú An	Nữ	D11BH4	12/01/1997	Thái Nguyên	2.79	Khá	
33	1111030217	Đỗ Thị Phương Anh	Nữ	D11BH4	17/05/1997	Hưng Yên	3.56	Giỏi	
34	1111030224	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	D11BH4	20/02/1997	Hải Phòng	2.68	Khá	
35	1111030228	Nguyễn Thị Diễm Hằng	Nữ	D11BH4	04/08/1997	Lai Châu	3.24	Giỏi	
36	1111030230	Kiều Thị Hoà	Nữ	D11BH4	12/03/1997	Hà Nội	2.91	Khá	
37	1111030243	Phan Thị Thanh Huyền	Nữ	D11BH4	16/08/1997	Thái Bình	2.8	Khá	
38	1111030237	Ngô Thị Hương	Nữ	D11BH4	23/11/1997	Bắc Ninh	2.72	Khá	
39	1111030246	Nguyễn Phương Linh	Nữ	D11BH4	16/10/1997	Hà Nội	2.78	Khá	
40	1111030249	Phạm Phương Linh	Nữ	D11BH4	01/05/1997	Ninh Bình	2.63	Khá	
41	1111030251	Nguyễn Thị Hương Ly	Nữ	D11BH4	06/08/1997	Hà Nội	2.65	Khá	
42	1111030252	Hà Thị Phương Mai	Nữ	D11BH4	05/09/1997	Hải Dương	3.48	Giỏi	
43	1111030254	Vũ Thị Tuyết Nhung	Nữ	D11BH4	03/05/1997	Hưng Yên	2.82	Khá	
44	1111030267	Nguyễn Thị Phương Thoa	Nữ	D11BH4	29/06/1997	Hà Nội	3.26	Giỏi	
45	1111030269	Vũ Hoài Thu	Nữ	D11BH4	02/07/1996	Nghệ An	2.75	Khá	
46	1111030270	Lý Thị Thúy	Nữ	D11BH4	02/01/1997	Hà Giang	2.96	Khá	
47	1111030280	Nguyễn Thị Uyên	Nữ	D11BH4	18/08/1997	Bắc Ninh	2.77	Khá	
48	1111030282	Nguyễn Khánh Vy	Nữ	D11BH4	11/04/1997	Hà Tĩnh	3.02	Khá	
49	1111030283	Ma Thị Yên	Nữ	D11BH4	26/07/1997	Thái Nguyên	3.02	Khá	
50	1111030284	Lê Thị Hải Yến	Nữ	D11BH4	02/03/1997	Phú Thọ	2.78	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
51	1111030355	Phạm Thị Tú Anh	Nữ	D11BH5	09/09/1997	Hà Nội	2.66	Khá	
52	1111030295	Trần Văn Anh	Nữ	D11BH5	03/11/1997	Nam Định	2.89	Khá	
53	1111030298	Hồ Thùy Dương	Nữ	D11BH5	14/10/1997	Phú Thọ	2.55	Khá	
54	1111030305	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	D11BH5	31/12/1997	Hà Nội	2.83	Khá	
55	1111030308	Nguyễn Thị Hoàn	Nữ	D11BH5	20/06/1997	Hà Nội	3.2	Giỏi	
56	1111030317	Phạm Thị Khánh Linh	Nữ	D11BH5	10/06/1997	Thái Nguyên	2.93	Khá	
57	1111030339	Nguyễn Hoài Thom	Nữ	D11BH5	10/12/1997	Hà Nội	2.7	Khá	
58	1111030350	Hoàng Thị Ngọc Trinh	Nữ	D11BH5	10/03/1997	Quảng Ninh	2.99	Khá	
59	1111030396	Mai Thị Dung	Nữ	Đ11ST.BH06	28/03/1997	Thanh Hóa	2.88	Khá	
60	1111030372	Trần Thị Hà	Nữ	Đ11ST.BH06	20/05/1996	Hà Tĩnh	3.23	Giỏi	
61	1111030356	Phạm Thuỳ Linh	Nữ	Đ11ST.BH06	26/10/1997	Thái Bình	2.47	Trung bình	
62	1111030395	Bùi Khánh Ly	Nữ	Đ11ST.BH06	29/01/1997	Nam Định	2.68	Khá	
63	1111030384	Thang Thị Nga	Nữ	Đ11ST.BH06	10/03/1997	Bắc Giang	2.74	Khá	
64	1111030379	Lê Thị Kiều Oanh	Nữ	Đ11ST.BH06	24/02/1997	Thanh Hóa	3.08	Khá	
65	1111030400	Triệu Văn Thắng	Nam	Đ11ST.BH06	13/10/1997	Nam Định	2.81	Khá	
66	1111030371	Nguyễn Minh Tiến	Nam	Đ11ST.BH06	27/03/1997	Thanh Hoá	2.73	Khá	

Danh sách này có 66 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:

Giỏi	11 sinh viên;
Khá	50 sinh viên;
Trung bình	5 sinh viên.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng

BÌNH VÀ XÃ HỘI